



2. MÔN TOÁN

A. KIẾN THỨC TRỌNG TÂM

I. SỐ HỌC (từ đầu đến hết bài “Phép trừ các số nguyên”)

- Thứ tự thực hiện phép tính trong N.
- Tính chất chia hết. Dấu hiệu chia hết cho 2; 3; 5; 9.
- Số nguyên tố, hợp số. Phân tích một số ra thừa số nguyên tố.
- Ước chung, ƯCLN, bội chung, BCNN
- Tập hợp số nguyên.
- Phép cộng, phép trừ các số nguyên.

II. HÌNH HỌC (từ đầu đến hết chương III)

- Ghi nhớ các yếu tố cơ bản và cách vẽ các hình: Tam giác đều, hình vuông, hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành, hình thang cân.
- Tính chu vi và diện tích các hình.
- Nhận biết các hình có trục đối xứng và tâm đối xứng.

B. BÀI TẬP MINH HỌA.

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Kết quả phép tính $2^2 \cdot 8$ dưới dạng lũy thừa của 2 là:

- A. 2^9 B. 2^3 C. 2^5 D. 2^6

Câu 2. Kết quả phép tính $2021^0 : 1^{2021}$ bằng

- A. 1 B. 0 C. 2021 D. 2020

Câu 3. Cho biểu thức $A = 121 - 21 \cdot (2^3 - 3)$. Giá trị của A là:

- A. 500 B. 300 C. 16 D. 1.

Câu 4. Kết quả phép tính $5^7 \cdot 18 - 5^7 \cdot 13$ là

- A. 5 B. 5^6 C. 5^7 D. 5^8

Câu 5. Kết quả nào sau đây không bằng $2^4 \cdot 4^2$

- A. 16^2 B. 2^8 C. 8^2 D. 4^4

Câu 6. Nếu $x^3 - 42 = 22$ thì x bằng:

- A. 3 B. 4 C. 2 D. 8

Câu 7. Tìm các chữ số x, y biết rằng $\overline{23x5y}$ chia hết cho 2, 5 và 9

- A. $x=8; y=0$. B. $x=6; y=0$. C. $x=0; y=8$. D. $x=2; y=5$.

Câu 8. Cho $N = \overline{3a74b}$ chia hết cho 5 và 9 nhưng không chia hết cho 2. Khi đó $a - b$ là

- A. 3. B. 0. C. -3. D. 1.



TRƯỜNG THCS BA ĐÌNH

Câu 9. Nếu $a : 3$ và $b : 6$ thì:

- A. $(a+b):3$. B. $(a-b):6$. C. $(a-b):9$. D. $(a+b):18$

Câu 10. Số nguyên tố có:

- A. 1 ước B. 2 ước C. 3 ước D. không có ước nào

Câu 11. Số 24 phân tích ra thừa số nguyên tố là

- A. 2.12 B. $2^3.3$ C. 1.24 D. $2^2.6$

Câu 12. Các số tự nhiên x thỏa mãn $x : 12$ và $20 \leq x \leq 40$ là:

- A. 12, 24 B. 24, 36 C. 12, 48 D. 36, 48

Câu 13. Phát biểu nào sau đây là sai:

- A. Số 0 không là số nguyên tố cũng không là hợp số
B. Số 1 là số nguyên tố bé nhất
C. Số 2 là số nguyên tố chẵn duy nhất
D. Các số nguyên tố nhỏ hơn 10 là 2, 3, 5, 7

Câu 14. Số 30 có bao nhiêu ước nguyên tố:

- A. 1 B. 2 C. 3 D. 4

Câu 15. Ta có $400 = 2^4.5^2$, vậy 800 phân tích ra thừa số nguyên tố được kết quả nào?

- A. $2^5.5^2$ B. 8.100 C. $2^3.5^2$ D. $2^5.5$

Câu 16. Cho m vừa là ước của 75, vừa là bội của 15

- A. $m \in \{15; 45\}$ B. $m \in \{15; 75\}$ C. $m \in \{15\}$ D. $m \in \{15; 45; 75\}$

Câu 17. Cho $a = 3^2.2^3.5$ và $b = 3^3.5^2$. Ta có ƯCLN(a, b) là:

- A. $3^2.2^3$ B. $3^2.2.5$ C. $3^2.5$ D. $3^2.5^2$

Câu 18. Cho ƯCLN(a, b) = 16. Tập hợp ƯC(a, b) là:

- A. $\{0; 2; 4; 8; 16\}$ B. $\{1; 2; 4; 8; 16\}$ C. $\{0; 16; 32; \dots\}$ D. $\{2; 4; 8; 16\}$

Câu 19. Cho $a = 2.3.7$; $b = 2.5.7$; $c = 2^2.3^2.5$ Ta có BCNN(a, b, c) là:

- A. $2^2.3^2.7$ B. $2^2.3^2.5$ C. $2^2.3^2.5.7$ D. $2.3.5.7$

Câu 20. Cho BCNN(a, b) = 15. Tập hợp BC(a, b) là:

- A. $\{1; 15; 30; 45; \dots\}$ B. $\{1; 3; 5; 15\}$
C. $\{0; 15; 30; 45; \dots\}$ D. $\{15; 30; 45; 60; \dots\}$

Câu 21. Tính giá trị của biểu thức $\frac{5}{6} - \frac{1}{5} + \frac{2}{15}$ được kết quả là

- A. $\frac{23}{30}$ B. $\frac{7}{6}$ C. $\frac{-1}{2}$ D. $\frac{-23}{30}$

Câu 22. Tập hợp các số nguyên gồm:

- A. Số 0 và các số nguyên dương



TRƯỜNG THCS BA ĐÌNH

- B. Số 0 và các số nguyên âm
C. Các số nguyên âm và các số nguyên dương
D. Các số nguyên âm, số 0 và các số nguyên dương

Câu 23. Khẳng định nào sau đây là đúng:

- A. $0 < -14$ B. $-12 = 12$ C. $-123 < 123$ D. $15 > 20$

Câu 24. Sắp xếp các số: -2; 10; 0; +2; -11; -25 theo thứ tự giảm dần là:

- A. -25; -11; -2; 0; +2; 10 B. 10; -2; 0; 2; -11; -25
C. -25; -11; -2; 0; 10; +2 D. 10; +2; 0; -2; -11; -25

Câu 25. Liệt kê các phần tử của tập hợp $B = \{x \in \mathbb{Z} \mid -3 \leq x < 3\}$ là:

- A. -3; -2; -1; 0; 1; 2; 3 B. -3; -2; -1; 0; 1; 2
C. -2; -1; 0; 1; 2; 3 D. -2; -1; 0; 1; 2

Câu 26. Điểm cách -1 ba đơn vị theo chiều âm là:

- A. 3 B. 3 C. -4 D. 4

Câu 27. Số đối của (-68) là:

- A. -86 B. 86 C. -68 D. 68

Câu 28. Kết quả đúng của phép tính $3 - (2 + 3)$ là:

- A. -2 B. 4 C. 8 D. 2

Câu 29. Tổng tất cả các số nguyên n thỏa mãn $-2 < n \leq 2$ là:

- A. 0 B. 2 C. -2 D. 4

Câu 30. Cho biết $-x - 6 = 18$. Kết quả đúng khi tìm số nguyên x là:

- A. -3 B. 12 C. 24 D. -24

Câu 31. Bảng sau chỉ nhiệt độ trung bình của 4 hành tinh như sau:

Hành tinh	Sao Mộc	Sao Hải Vương	Sao Hỏa	Sao Thiên Vương
Nhiệt độ	-150°	-220°	-180°	-214°

Hỏi hành tinh nào lạnh nhất?

- A. Sao Mộc C. Sao Hỏa
B. Sao Hải Vương D. Sao Thiên Vương

Câu 32. Để di chuyển giữa các tầng của tòa nhà cao tầng, người ta sử dụng thang máy. Tầng có mặt sàn là mặt đất được gọi là tầng G. Tầng dưới tầng G lần lượt là tầng B1, B2,... Người ta biểu diễn vị trí tầng G là 0, tầng B1 là -1, tầng B2 là -2. Bạn Hoa đang ở tầng 10, sau đó thang máy đi xuống 12 tầng rồi đi lên 5 tầng. Số nguyên biểu thị vị trí tầng của bạn Hoa khi kết thúc hành trình là:

- A. -2 B. 3 C. 5 D. 7



TRƯỜNG THCS BA ĐÌNH

Câu 33. Cho phát biểu sau: “..... là hình có ba cạnh bằng nhau và ba góc bằng nhau bằng 60° ”. Điền từ thích hợp vào chỗ trống.

- A. Hình vuông
B. Hình lục giác đều
C. Hình tam giác đều
D. Cả A, B và C đều sai.

Câu 34. Cho các biển báo giao thông dưới đây:



Hình 1



Hình 2



Hình 3

Phát biểu nào dưới đây là đúng?

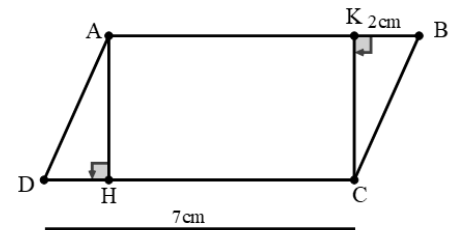
- A. Hình 1 là biển báo dừng lại có hình lục giác đều.
B. Hình 2 là biển báo chỉ đường có hình vuông.
C. Hình 3 là biển báo đường giao nhau có hình tam giác đều.
D. Cả A, B và C đều đúng.

Câu 35. Phát biểu nào dưới đây là sai?

- A. Hình vuông có hai đường chéo vuông góc với nhau.
B. Hình lục giác đều có sáu góc bằng nhau.
C. Hình tam giác đều có ba đường chéo bằng nhau.
D. Hình vuông có bốn góc bằng nhau bằng 90° .

Câu 36. Cho hình bình hành ABCD có diện tích bằng 28 cm^2 và $CD = 7 \text{ cm}$. Vẽ AH vuông góc với CD và CK vuông góc với AB (Hình 42), biết $BK = 2 \text{ cm}$. Diện tích hình chữ nhật AHCK là:

- A. 20 cm^2 B. 10 cm^2 C. 14 cm^2 D. 35 cm^2



Câu 37. Hình thang cân có độ dài 2 cạnh đáy và chiều cao lần lượt là 40m, 30m, 25m, có diện tích là:

- A. 1750 m^2 . B. 175 m^2 . C. 875 m^2 . D. 8750 m^2 .

Câu 38. Hình nào dưới đây có trục đối xứng?



a)



b)



c)



d)



TRƯỜNG THCS BA ĐÌNH

A. Hình a), Hình b), Hình c)

B. Hình a), Hình c), Hình d)

C. Hình b), Hình c), Hình d)

D. Hình a) và Hình c)

Câu 39. Cho hình vẽ sau:

Có bao nhiêu hình có tâm đối xứng?

A. 1

B. 2

C. 3

D. 4



Tam giác đều



Cánh quạt



Trái tim



Cánh diều

Câu 40. Phát biểu nào dưới đây là đúng?

A. Hình thoi có tâm đối xứng nhưng không có trục đối xứng.

B. Hình thang cân có trục đối xứng, nhưng không có tâm đối xứng.

C. Hình bình hành vừa có tâm đối xứng, vừa có trục đối xứng.

D. Hình chữ nhật có trục đối xứng nhưng không có tâm đối xứng.

II. PHẦN TỰ LUẬN

Bài 1. Thực hiện phép tính:

a) $75 - (3.5^2 - 4.3^2)$

b) $80 - [30 - (5 - 1)^2]$

c) $172.85 + 15.172 - 120$

d) $6^2 : 4.3 + 2.5^2$

e) $5.4^2 - 18 : 3^2 + 2020^0$

f) $3^3.16 + 27.59 + 3^3.25$

g) $1449 - \{[(216 + 184):8].9\}$

h) $75 - (3.5^2 - 4.2^3)$

Bài 2. Thực hiện phép tính:

a) $(-15) + (-23)$

b) $(-64) + (-17)$

c) $(+61) + (+27)$

d) $(-45) + (-45)$

e) $(-37) + 0$

f) $(+37) - (+21)$

g) $(-10) + (+24)$

h) $(-54) - (-84)$

j) $324 + (-68) + (-24) + (-32)$

k) $-37 - (-112) + 227 - 512$

l) $125 - (374 + 325) - 1074$

m) $10 + (-24) + (-28) + 14 + (-12)$

o) $(-596) + 2011 + 1989 + (-404) + 189$

p) $(-34) + [(-157) + 54 + (-43)]$

q) $1 + (-2) + 3 + (-4) + \dots + 99 + (-100)$

Bài 3. Tìm số tự nhiên x biết:

a) $123 - 5.(x + 4) = 38$

b) $10 + 2x = 2.(3^2 - 1)$

c) $2.x - 138 = 2^3.3^2$

d) $231 - (x - 6) = 1339 : 13$

e) $(105 - x) : 2^5 = 3^0 + 1$

f) $12.(x - 1) : 3 = 4^3 + 2^3$

g) $(3^x - 81)(2x - 14) = 0$

h) $5^{2x-3} - 2.5^2 = 5^2.3$

i) $2^{x+3} : 8 = 128 : 4$

Bài 4. Tìm số x nguyên biết

a) $(x - 84) - 123 = -16$

b) $(53 - x) - (-75) = 97$

c) $x - 3 = (-18) + 22$



TRƯỜNG THCS BA ĐÌNH

d) $3 - x = -15$

e) $27 + (5 - x) = 23 + (-19)$ f) $-x + 30 + (-16) = -18$

Bài 5. Tìm x, y biết:

a) $\overline{x852y}$ chia hết cho 3; 5

b) $\overline{x63y}$ chia hết cho 2, 3, 5, 9

Bài 6.

a) Tìm ƯCLN và BCNN của

1) 90; 120

2) 45; 48

3) 60; 144

4) 48; 60; 72

b) Tìm ƯC và BC của

1) 16; 24

2) 90; 126

3) 36; 90; 148

4) 54; 60; 78

c) Tìm số tự nhiên x biết

1) $36 : x, 54 : x$ và $2 < x < 10$

2) $x : 10, x : 12, x : 15$ và $30 < x < 70$

3) $480 : x, 600 : x$ và x lớn nhất

4) $x : 12, x : 25, x : 30$ và $0 < x < 500$

5) $x : 8 ; x : 10 ; x : 15$ và $450 < x < 500$

6) $(x+2) : 16 ; (x+2) : 18$ và x là số tự nhiên nhỏ nhất

Bài 7. Một đội văn nghệ lớp 6 có 24 nam và 168 nữ. Có thể chia đội văn nghệ đó nhiều nhất thành mấy tổ để số nam và số nữ được chia đều vào các tổ. Khi đó mỗi tổ có bao nhiêu nam, bao nhiêu nữ?

Bài 8. Một số sách trên giá sách khi xếp thành từng bó 10 cuốn, 12 cuốn, 15 cuốn đều vừa đủ bó. Biết số sách trong khoảng từ 150 đến 200 cuốn. Tính số sách.

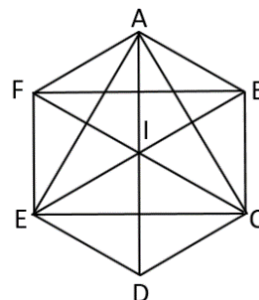
Bài 9. Lớp 6A có 40 học sinh, lớp 6B có 42 học sinh, lớp 6C có 48 học sinh. Trong ngày khai giảng, ba lớp cùng xếp hàng dọc như nhau để diễu hành mà không lớp nào có người lẻ hàng. Tính số hàng dọc nhiều nhất có thể xếp được.

Bài 10. Số học sinh khối 6 của trường trong khoảng từ 200 đến 400. Khi xếp hàng 12, 15, 18 đều thừa 5 học sinh. Tính số học sinh.

Bài 11. Ông Alex từ Singapore đến Việt Nam và đi du lịch ở vịnh Hạ Long. Thấy vịnh Hạ Long đẹp quá, ông muốn mua một số bức tranh vẽ về vịnh Hạ Long để tặng cho bạn bè với giá 430 000 đồng mỗi bức. Ông dùng 2500 đô la Singapore (SGD) và đổi thành tiền Việt Nam (VND) để mua các bức tranh trên. Hỏi ông Peter có thể mua được bao nhiêu bức tranh vẽ về vịnh Hạ Long với số tiền trên? (Biết khi đó tỉ giá giữa đô la Singapore và tiền Việt Nam là 1 SGD = 17 000 VND).

Bài 12. Quan sát hình vẽ bên, nêu số lượng và tên của

- Hình lục giác đều
- Hình tam giác đều
- Hình thoi
- Hình thang cân
- Hình chữ nhật





TRƯỜNG THCS BA ĐÌNH

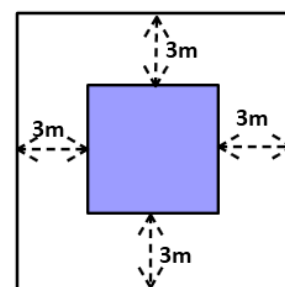
Bài 13. Tính chu vi và diện tích các hình sau:

- Hình chữ nhật có chiều dài 15cm và chiều rộng 9cm.
- Hình vuông có cạnh 12cm.
- Hình thang cân có độ dài hai đáy là 6cm và 14cm, chiều cao 3cm, cạnh bên 5 cm.
- Hình thoi có cạnh 10 cm, độ dài hai đường chéo là 12cm và 16cm.
- Hình bình hành có độ dài hai cạnh là 10cm và 14cm, chiều cao 8cm.

Bài 14. Trên một bức tường hình chữ nhật có kích thước là 4m và 6m, người ta làm một cửa sổ hình thoi có độ dài hai đường chéo là 50cm và 80cm

- Tính diện tích bức tường (bao gồm cả cửa sổ) theo đơn vị mét.
- Người ta sơn bức tường (không tính cửa sổ) cứ 1 mét vuông hết 100g sơn. Hỏi phải mua bao nhiêu kg sơn để sơn hết bức tường trên?

Bài 15. Nhà bạn An có một ao cá hình vuông (màu đậm). Người ta mở rộng xung quanh ao cá mỗi chiều 3m để trồng cỏ. Diện tích trồng cỏ là $169m^2$. Tính diện tích ao cá?



C. MỘT SỐ BÀI TẬP NÂNG CAO

Bài 16. Tìm số tự nhiên a, b biết:

- $a+b=162$; $UCLN(a,b) = 18$
- $a.b = 4320$; $BCNN(a,b) = 360$
- $UCLN(a,b) = 6$; $BCNN(a,b) = 180$
- $BCNN(a,b) + UCLN(a,b) = 55$
- $a.b = 300$; $UCLN(a,b) = 5$
- $BCNN(a,b) - UCLN(a,b) = 5$
- $a - b = 84$; $UCLN(a,b) = 28$; $300 \leq a, b \leq 440$

Bài 17. Tìm số tự nhiên x và y sao cho

- $(2x + 1).(y - 3) = 10$
- $x - 3 = y.(x+2)$
- $(3x - 2).(2y - 3) = 1$
- $(4 - x).(2y - 1) = 9$

Bài 18. Chứng minh rằng: $2n + 1$ và $3n + 1 (n \in \mathbb{N})$ là 2 số nguyên tố cùng nhau

Bài 19. Tìm $n \in \mathbb{N}$ sao cho:

- $n + 6 \vdots n + 2$
- $2n + 3 \vdots n - 2$
- $n + 10 \vdots n - 2$
- $3n + 1 \vdots 11 - 2n$

Bài 20. a) Tìm các số tự nhiên a và b sao cho tích $a.b = 246$ và $a < b$

b) Tìm ba số tự nhiên lẻ liên tiếp có tích bằng 2145

Bài 21. Cho $A = 2 + 2^2 + 2^3 + \dots + 2^{60}$

- Chứng minh rằng $A \vdots 15$
- Rút gọn A và tìm số tự nhiên n để $A + 2 = 1024.n$

III. ĐỀ THAM KHẢO



I. TRẮC NGHIỆM (3 điểm). Chọn đáp án đúng trong các câu sau:

Câu 1. Sắp xếp các số sau theo giá trị **tăng dần**: 0; -56; 29; -27; 15

- A. 29; 15; 0; -27; -56
B. 29; 15; 0; -56; -27
C. -56; -27; 0; 15; 29
D. -27; -56; 0; 15; 29

Câu 2. Tổng của các số nguyên x thỏa mãn điều kiện $-4 \leq x < 4$ là:

- A. 0
B. -8
C. 4
D. -4

Câu 3. Khẳng định nào sau đây là đúng:

- A. Số 0 là số nguyên dương nhỏ nhất.
B. -99 là số nguyên âm nhỏ nhất.
C. Tập hợp số nguyên gồm số nguyên âm và số nguyên dương
D. Tập hợp số nguyên gồm số nguyên âm, số 0 và số nguyên dương.

Câu 4. Cho số $a = 2^2 \cdot 3^3 \cdot 5$ và $b = 2 \cdot 5 \cdot 7$. Khi đó, $ƯCLN(a, b) = ?$

- A. $ƯCLN(a, b) = 2 \cdot 5 = 10$
B. $ƯCLN(a, b) = 2 \cdot 3 \cdot 5 \cdot 7 = 210$
C. $ƯCLN(a, b) = 2^2 = 4$
D. $ƯCLN(a, b) = 2^2 \cdot 5 = 20$

Câu 5. Khẳng định nào sau đây là **sai**:

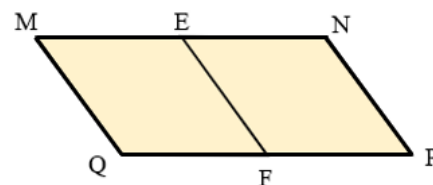
- A. Số 0 không là số nguyên tố cũng không phải là hợp số.
B. Mọi số nguyên tố đều là số lẻ.
C. Hợp số là số tự nhiên lớn hơn 1, có nhiều hơn hai ước.
D. Có hai số tự nhiên liên tiếp đều là các số nguyên tố.

Câu 6. Tổng $(-24) + 36$ bằng:

- A. -12
B. -60
C. 12
D. 60

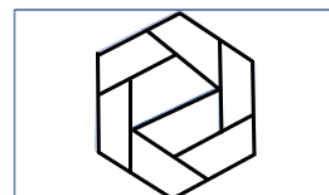
Câu 7. Ghép hai hình thoi (có chu vi mỗi hình là 16 cm) thành hình bình hành như hình bên. Tính chu vi của hình bình hành MNPQ.

- A. 16 cm
B. 12 cm
C. 24 cm
D. 8 cm



Câu 8. Số hình thang cân và lục giác đều có trong hình bên lần lượt là:

- A. 8; 1
B. 6; 2
C. 6; 1
D. 8; 2



Câu 9. Cho đoạn thẳng AB dài 8 cm. Biết O là tâm đối xứng của đoạn AB. Khi đó, độ dài đoạn OB bằng:

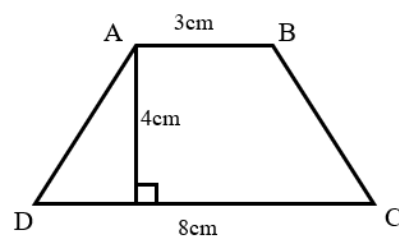
- A. 2 cm
B. 8 cm
C. 16 cm
D. 4 cm



TRƯỜNG THCS BA ĐÌNH

Câu 10. Cho hình bên. Diện tích của hình thang ABCD là:

- A. 96 cm^2 B. 22 cm^2
C. 44 cm^2 D. 20 cm^2



Câu 11. Hình nào sau đây có tâm đối xứng?



Hình 1



Hình 2



Hình 3



Hình 4

- A. Hình 1 B. Hình 2 C. Hình 3 D. Hình 4

Câu 12. Người ta dùng một sợi dây kẽm dài 24 cm uốn thành một hình vuông (không thừa ra đoạn dây kẽm nào). Hỏi hình vuông đó có diện tích bằng bao nhiêu?

- A. 24 cm^2 B. 6 cm^2 C. 36 cm^2 D. 12 cm^2

II. TỰ LUẬN (7 điểm).

Bài 1 (1,5 điểm). Thực hiện phép tính (Tính hợp lí nếu có thể):

- a) $38.126 - 38.26$ b) $142 + (-65) + (-42) + (-35)$
c) $54 - 4.(2^3 - 5)^2 + 1^{2022}$

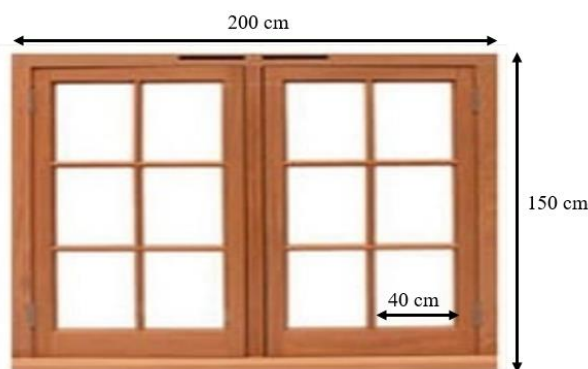
Bài 2 (1,5 điểm). Tìm số tự nhiên x, biết:

- a) $2x + 17 = 55$ b) $6.(15 - x) = (-31) + 49$
c) $200 : 5^{x-3} - 2022^0 = 7$

Bài 3 (1,5 điểm). Nhà bác Mai có một vườn hoa cúc đến mùa thu hoạch. Bác hái được một số hoa khoảng từ 200 đến 250 bông đem đi bán. Hỏi bác Mai đã hái được bao nhiêu bông, biết rằng nếu bó thành từng bó 10 bông, 15 bông hay 20 bông đều vừa đủ.

Bài 4 (2 điểm). Một cửa sổ bằng gỗ hình chữ nhật có cấu tạo và kích thước như hình bên, mỗi ô vuông được lắp kính có cạnh 40 cm.

- a) Tính diện tích mỗi ô kính.
b) Để chuẩn bị đón tết, người ta sơn lại phần gỗ cho mới. Biết giá tiền công sơn 1 m^2 gỗ là 100 000 đồng (Bỏ qua các mối nối). Hỏi chi phí cần để sơn lại cửa sổ này là bao nhiêu?



Bài 5 (0,5 điểm). Cho $A = 3^{42} + 2^{42} + 3^{40} + 2^{40}$



I. TRẮC NGHIỆM (3 điểm). Ghi lại chữ cái đứng trước đáp án **đúng** của mỗi câu vào bài làm:

Câu 1. Giá trị của lũy thừa 3^3 là

- A. 9 B. 6 C. 3 D. 27

Câu 2. Tổng $(-13) + 21$ bằng

- A. 7 B. - 8 C. 8 D. -7

Câu 3. Kết quả của phép tính $3^5 : 3^3 + 3^0$ bằng

- A. 7 B. 10 C. 9 D. 8

Câu 4. Sắp xếp các số -5 ; 0 ; -27 ; 9 sau theo giá trị **tăng dần**

- A. -5; -27 ; 0 ; 9 B. -27 ; 0 ; -5 ; 9
C. -27 ; -5 ; 0 ; 9 D. 9; 0 ; -5 ; -27

Câu 5. Số chia hết cho cả 3 và 5 là

- A. 710 B. 227 C. 525 D. 243

Câu 6. Cho $a = 3^2.7^5$. Các ước nguyên tố của a là

- A. 3; 5 B. 3; 7 C. 2; 5 D. 3; 2

Câu 7. Nếu $a : 3$ và $b : 3$ thì

- A. $a + b : 3$ B. $a + b : 6$ C. $a + b : 9$ D. $a + b : 12$

Câu 8. ƯCLN(10; 20) bằng

- A. 5 B. 2 C. 10 D. 20

Câu 9. Kết quả phân tích số 24 ra thừa số nguyên tố là

- A. 3.8 B. $2^3.3$ C. 4.6 D. 2.12

Câu 10. Số đối của số (-53) là

- A. - 35 B. 35 C. 53 D. 15

Câu 11. Số hình thang cân và lục giác đều có trong hình bên lần lượt là:

- A. 8; 2 B. 6; 2
C. 8; 1 D. 6; 1



Câu 12. Hình nào **không phải** là hình có trục đối xứng

- A. Hình vuông B. Hình thoi C. Hình thang cân D. Hình bình hành

II. TỰ LUẬN (7 điểm).

Bài 1 (1,5 điểm). Thực hiện phép tính (Tính hợp lí nếu có thể)

a) $71.49 + 71.51$

b) $240 : [54 - (3^2.2 - 11)^2]$



TRƯỜNG THCS BA ĐÌNH

c) $(-153) + (-67) + 53 + 167$

Bài 2 (1,5 điểm). Tìm số tự nhiên x , biết

a) $(x - 5) + 13 = 25$

b) $126 : (x + 3) = (-15) + 17$

c) $3^{x+2} - 3 = 2^4 \cdot 15$

Bài 3 (2 điểm).

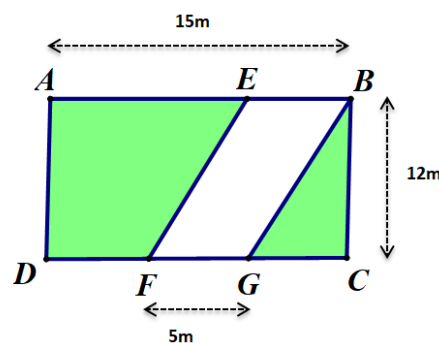
a) Tìm BCNN(18, 60) từ đó tìm BC(18, 60).

b) Trong đợt tổng kết phát phần thưởng cuối tháng, cô giáo đem chia đều 54 quyển vở, 45 cái thước và 36 cục tẩy vào các phần thưởng và không thừa bất cứ cái nào. Hỏi cô giáo chia được nhiều nhất bao nhiêu phần thưởng? Khi đó, mỗi phần thưởng có bao nhiêu quyển vở, bao nhiêu cái thước và bao nhiêu cục tẩy?

Bài 4 (1,5 điểm). Một mảnh đất hình chữ nhật ABCD với các số liệu được cho trên hình vẽ.

a) Hãy tính diện tích mảnh đất hình chữ nhật.

b) Một con đường hình bình hành EBGF cắt qua mảnh đất hình chữ nhật. Diện tích còn lại của mảnh đất được dùng để trồng cỏ. Biết mỗi mét vuông cỏ giá 40 000 đồng. Tính số tiền mua cỏ để trồng hết diện tích đó?



Bài 5 (0,5 điểm). Tìm số tự nhiên chẵn n để $3n + 2 : n - 2$

CHÚC CÁC CON HỌC SINH ÔN TẬP TỐT!